

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014;

Căn cứ Khoản 3, Điều 22 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 11/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 121/TTr-SXD ngày 06/7/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/02/2019.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị

xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Chủ đầu tư các dự án bất động sản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- UBND các xã, phường, thị trấn do UBND các huyện, thị xã, thành phố sao gửi;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP; các P, TT;
- Lưu: VT, CN (VT-80).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

QUY CHẾ

**Phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin,
cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất
động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND
ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các loại hình bất động sản phải cung cấp thông tin, dữ liệu theo Quy chế này được quy định tại Khoản 3, Điều 6 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, bao gồm:

- a) Đất nền cho xây dựng nhà ở;
- b) Nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư;
- c) Văn phòng;
- d) Khách sạn;
- đ) Mặt bằng thương mại, dịch vụ;
- e) Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- g) Khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Việc phối hợp phải kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên.

3. Việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải đảm bảo đầy đủ, chính xác theo đúng các biểu mẫu quy định tại Nghị định số

117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do mình cung cấp.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Nơi nhận, hình thức và thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng

1. Nơi nhận và hình thức cung cấp thông tin, dữ liệu

Các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, dữ liệu bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử. Nơi nhận thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản: Sở Xây dựng, số 15 đường Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và thư điện tử về Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng (*Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Xây dựng hoặc Email: xaydung@daklak.gov.vn*).

2. Thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu

- Trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ hàng tháng;
- Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ hàng quý;
- Trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ 6 tháng;
- Trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo đối với các thông tin, dữ liệu quy định cung cấp định kỳ hàng năm;

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Chủ trì xây dựng hệ thống biểu mẫu, thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu. Duy trì hệ thống thông tin, định kỳ tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp theo Quy chế này để tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Tổ chức thu thập số liệu xây dựng quyền sở hữu gốc theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 5, Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

4. Trường hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp không thống nhất, mâu thuẫn, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

5. Lưu trữ và bảo quản thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin; cung cấp cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

6. Lập phương án tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, nhân viên phù hợp yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa phương theo nguyên tắc không làm tăng bộ máy biên chế, báo cáo UBND tỉnh.

7. Định kỳ công bố các thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường bất động sản của địa phương theo quy định; xây dựng và báo cáo UBND tỉnh kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được chấp thuận; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm chung

a) Phân công đơn vị, cử cán bộ, công chức, nhân viên làm đầu mối cung cấp thông tin quy định tại quy chế này. Danh sách đầu mối ghi đầy đủ (tên đơn vị, họ và tên, chức danh, số điện thoại liên lạc, hộp thư điện tử (email)) gửi về Sở Xây dựng bằng văn bản.

b) Định kỳ hằng tháng, quý, năm các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo các biểu mẫu quy định tại Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về Sở Xây dựng.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu đột xuất của Bộ Xây dựng, UBND tỉnh và đề nghị của Sở Xây dựng. Trường hợp văn bản yêu cầu, đề nghị cung cấp thông tin, dữ liệu không ghi thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải gửi thông tin, dữ liệu trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị.

2. Sở Tư pháp

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến số lượng hợp đồng, giao dịch về bất động sản được công chứng tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh đối với các dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 và Điểm b, Khoản 3, Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh đối với các dự án có quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Phụ lục 2 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc sử dụng đất tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

d) Kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất, giá đất ở, tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, thông tin về đất ở, nhà ở, chuyển dịch sở hữu nhà ở, đất ở và bất động sản, đặc điểm về đất đai theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

5. Cục Thuế tỉnh

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với báo cáo của chủ đầu tư dự án bất động sản.

6. Cục Thống kê tỉnh

Định kỳ hàng năm và 05 năm Cục Thống kê cung cấp cho Sở Xây dựng các thông tin về kết quả điều tra hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; Thông tin về số lượng, diện tích nhà ở đô thị; nông thôn; nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh, khu vực đô thị, nông thôn theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở. Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ.

7. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu của dự án bất động sản do chủ đầu tư báo cáo liên quan đến Sở, ngành mình quản lý.

b) Hướng dẫn, bố trí kinh phí để bảo đảm thực hiện việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

8. Sở Công Thương, Ban quản lý các Khu công nghiệp

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu đối với các dự án bất động sản do cơ quan, đơn vị mình làm chủ đầu tư theo quy định tại Điểm b, Khoản 1; Điểm a, Khoản 2 và Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản (không phân biệt nguồn vốn) trên địa bàn quản lý (khu công nghiệp, cụm công nghiệp) đối với các dự án đã được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định phê

duyet dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý theo Khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu đối với các dự án bất động sản do cơ quan, đơn vị mình làm chủ đầu tư theo quy định tại Điểm b, Khoản 1; Điểm a, Khoản 2 và Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản (không phân biệt nguồn vốn) trên địa bàn quản lý (Khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng) đối với các dự án đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý theo Khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

10. UBND cấp huyện

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điểm a, Khoản 3 và Điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP và tại các biểu mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Quy chế này.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý đối với các dự án đã được UBND cấp huyện ban hành quyết định chủ trương đầu tư (theo Phụ lục 1 của Quy chế này).

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án và tiến độ triển khai dự án, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

11. UBND cấp xã

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch bất động sản để bán qua chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo Khoản 4, Điều 5 Quy chế này.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của UBND cấp huyện.

12. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc về xây dựng và sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản quy định tại Điều 4 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP và các quy định có liên quan của các cấp có thẩm quyền;

- Cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan quản lý hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định đúng thời hạn;

- Không được lợi dụng việc cung cấp thông tin để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin trái với các quy định của pháp luật;

- Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng trừ trường hợp được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản có thẩm quyền cho phép;

- Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền

- Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu trái với quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

- Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi quyền khai thác, sử dụng thông tin của mình bị vi phạm.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của Nghị định 117/2015/NĐ-CP, Quy chế này và xử lý hoặc kiến nghị UBND tỉnh biện pháp xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền nhằm bảo đảm các quy định của pháp luật được tuân thủ nghiêm túc.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn, nội dung không chính xác, không đầy đủ theo Quy chế này bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC 1

ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

THÔNG TIN, DỮ LIỆU CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND

ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên dự án Địa điểm dự án	Chủ đầu tư Tên người đại diện để liên hệ Địa chỉ; điện thoại	Thông tin đăng ký của dự án				Tiến độ thực hiện		
			Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)		Diện tích đất	Quy mô xây dựng	Tiến độ thực hiện	Giải phóng mặt bằng	Tiến độ xây dựng
			Tổng số	Trong đó vốn nước ngoài	(ha)	(m ² sàn; căn hộ; lô đất)	Từ ngày.... đến ngày	(ha)	(m ² sàn; căn hộ; lô đất)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1			100	50	2	12.000 m ² ; 300 căn chung cư	Khởi công 20/01/2014 hoàn thành	1	Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật
2					...	10000 m ² ; 250 căn biệt thự; 40 lô	Khởi công...hoàn thành 20/01/2014	Đã hoàn thành	 250 căn; 40 lô
3					...	100 căn nhà liên kế; 50 lô	...	Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng)	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (hoặc không thực hiện)
Tổng cộng:									

PHỤ LỤC 2

ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

THÔNG TIN, DỮ LIỆU CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND
ngày 14/ 01/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên dự án Địa điểm dự án	Chủ đầu tư Tên người đại diện để liên hệ Địa chỉ; điện thoại	Tổng diện tích đất	Trong đó				Tiến độ giải phóng mặt bằng
				DT đất XD nhà ở TM	DT đất XD nhà ở XH	DT đất XD hạ tầng KT	DT đất khác (ghi rõ loại đất)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1								
2				...				Đã hoàn thành
3				...	...		...	Đất sạch (không phải giải phóng mặt bằng)
Tổng cộng:								

PHỤ LỤC 3

HỆ THỐNG BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND
ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên biểu	Ký hiệu biểu mẫu tại Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng	Kỳ cung cấp thông tin	Ngày nhận cung cấp thông tin	Đơn vị cung cấp thông tin
01	Thông tin của các dự án đầu tư xây dựng nhà ở	Biểu mẫu số 4.1 (Tại phụ lục IV)	Tháng, quý, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
02	Thông tin về lượng nhà ở đủ điều kiện giao dịch nhưng chưa giao dịch tại các dự án	Biểu mẫu số 4.3 (Tại phụ lục IV)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
03	Tổng số nhà khởi công theo dự án	Biểu mẫu số 4.4 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
04	Tổng số nhà hoàn thành trong năm	Biểu mẫu số 4.5 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
05	Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm	Biểu mẫu số 4.6 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
06	Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm	Biểu mẫu số 4.7 (Tại phụ lục IV)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
07	Số lượng giao dịch kinh doanh bất động sản qua sàn	Biểu mẫu số 4.8 (Tại phụ lục IV)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	Các sàn giao dịch Bất động sản
08	Tổng hợp về tình hình giao dịch bất động sản để bán, chuyển nhượng	Biểu mẫu số 5.1a (Tại phụ lục V)	Tháng, quý, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BDS
09	Tổng hợp về tình hình giao dịch bất động sản cho thuê	Biểu mẫu số 5.1b (Tại phụ lục V)	Tháng, quý, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BDS
10	Tổng hợp về tình hình giao dịch BDS để chuyển nhượng, cho thuê	Biểu mẫu số 5.2 (Tại phụ lục V)	Tháng, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BDS
11	Tổng hợp về tình hình giao dịch BDS để bán, cho thuê	Biểu mẫu số 5.3 (Tại phụ lục V)	Tháng, năm	Ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BDS

12	Tổng hợp về lượng BĐS đủ điều kiện bán, chuyển nhượng nhưng chưa bán, chuyển nhượng tại các dự án	Biểu mẫu số 5.4a (Tại phụ lục V)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
13	Tổng hợp về lượng BĐS đủ điều kiện cho thuê nhưng chưa cho thuê tại các dự án	Biểu mẫu số 5.4b (Tại phụ lục V)	Quý, năm	Ngày 10 của tháng đầu của quý kế tiếp sau quý báo cáo; ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện, Chủ đầu tư, Các đơn vị kinh doanh BĐS
14	Tổng hợp về tình hình phát triển nhà ở	Biểu mẫu số 5.6 (Tại phụ lục V)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
15	Nhu cầu nhà ở thương mại	Biểu mẫu số 5.10a (Tại phụ lục V)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện
16	Nhu cầu nhà ở xã hội	Biểu mẫu số 5.10b (Tại phụ lục V)	Năm	Ngày 10/01 của năm sau	UBND cấp huyện